

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIMARKO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1903/2024/CBTT-VMK

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO

- Mã chứng khoán: VMK
- Địa chỉ: Tầng 2 nhà 10-NV27, Khu đô thị mới Bắc Quốc lộ 32, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0966 804 664
- E-mail: vimarkogroup@gmail.com
- Người công bố thông tin: Trần Minh Nhật
- Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT

2. Nội dung thông tin công bố

- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT-VMK về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vimarko

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2024 tại đường dẫn: <https://vimarko.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TRẦN MINH NHẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIMARKO

Số: 06/2024/NQ-HĐQT-VMK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMARKO**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vimarko (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng quản trị số 06/2024/BB-HĐQT-VMK ngày 19/03/2024 của Công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là “Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vimarko” Gồm 04 chương, 18 Điều;

Điều 2: Các thành viên HĐQT, ban kiểm soát, ban Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin, các bộ phận và cá nhân thuộc Công ty Cổ phần Vimarko; Nhà đầu tư là các cá nhân, tổ chức nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Vimarko; Tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng trên theo quy định của pháp luật về công bố thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, TGD, BKS
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIMARKO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHƯƠNG I: VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

1. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
2. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam;
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
8. Các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy chế công bố thông tin được ban hành bởi Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được Công ty Cổ phần Vimarko (sau đây được gọi tắt là công ty) ban hành, nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật, chuẩn mực công bố thông tin cũng như nhu cầu tìm hiểu, cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty và các bên liên quan.

Quy chế sử dụng nội dung cách thức, trình tự thực hiện công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.



VIMARKO

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty, đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị/phòng/ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin được công bố.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Bộ phận công bố thông tin;
- b. Người thực hiện công bố thông tin;
- c. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- d. Cổ đông;
- e. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- f. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty bao gồm:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ (nếu có);
- c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- d. Giám đốc tài chính, kế toán trưởng;
- e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
- f. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị Công ty.

2. Người có liên quan của người nội bộ là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty và người nội bộ của Công ty;
- b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;
- c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, giám tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi các tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e. Quan hệ hợp đồng mà trong đó có một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;



- c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Bộ phận công bố thông tin, người thực hiện công bố thông tin tổ chức, thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời, theo quy định của pháp luật liên quan.
2. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân (như căn cước công dân, chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ) thông tin được công bố nếu cá nhân đồng ý. Nếu cá nhân không đồng ý công khai các thông tin này phải gửi Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó gồm 01 bản đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.
3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải được công bố thông tin kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với những thông tin đã được công bố trước đó.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân khác tự thực hiện.
5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt, khuyến khích công bố thông tin song ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ Nước ngoài.
6. Các thông tin được công bố được lưu giữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; thông tin này phải được lưu giữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, tính chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà cả người đại diện pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin



1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) và các kênh truyền thông nội bộ khác (nếu có) của Công ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c. Hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK;
 - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử,...)
2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...) và phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa/tạm hoãn công bố theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính (BCTC)		
	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp nhận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
2	Báo cáo thường niên (BCTN)		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo mẫu quy định tại Phụ lục V	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết	



	ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	thứ 06 tháng đầu năm dương lịch	
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
4	Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD)		
4.1	Họp ĐHĐCD thường niên hoặc bất thường	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCD	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);
4.2	Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCD thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành	

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

STT	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt	



VIMARKO

	động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	



8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông;
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Đồng thời, Công ty gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	



VIMARCO

13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	
19	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none">- Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để dự họp ĐHĐCĐ.- Trường hợp được thực hiện quyền khác của cổ đông hiện hữu, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
20	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC	Áp dụng trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố.
21	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin



STT	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng đến giá trị chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Thực hiện theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng tài sản giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty		



VIMARKO

1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty trong 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1.2	Cổ đông lớn khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Công ty cần CBTT trên website chính thức của Công ty trong 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
2	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ		
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, Sở GDCK (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch,), công ty đại chúng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	



2.2	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	
-----	--	---	--

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại Chương II Mục 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Mục 2 Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (Thông tư số 118/2020/TT-BTC) và Điều 35 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Chiến lược/định hướng/kế hoạch kinh doanh và các chương trình/chính sách có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào các nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty với các bên liên quan	Công bố trên website/các phương tiện truyền thông nội bộ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2	Thông tin về các dự án/hợp đồng/khách hàng, đối tác/quan điểm về vấn đề liên quan đến thị trường, ngành, cổ phiếu, cổ đông, nhà đầu tư	Định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào các nhu cầu cung cấp thông tin của Công ty với các bên liên quan	Công bố trên website/các phương tiện truyền thông nội bộ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG IV: QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền

1. Hình thức thực hiện

Công ty có thể thực hiện việc công bố thông tin qua các hình thức sau:

- a. Trao đổi email do Công ty cung cấp;
- b. Trao đổi trực tiếp thông qua các buổi họp, gặp mặt;
- c. Qua điện thoại;
- d. Bằng văn bản

2. Phương thức thực hiện

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện công bố thông tin cung cấp các thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc



mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố thông tin có thể tham khảo ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận chuyên môn có liên quan khác khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

3. Quy trình công bố thông tin

Các thông tin của Công ty được công bố phải được thực hiện theo các trình tự và thủ tục như sau:

a. Bước 1: Gửi thông tin công bố

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức báo cáo, công bố theo nội dung hướng dẫn tại Quy chế này và theo quy định pháp luật gửi Nhân viên công bố thông tin của Công ty hoặc thông báo trực tiếp tới Người đại diện theo pháp luật.

b. Bước 2: Xử lý thông tin

Nhân viên công bố thông tin tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung báo cáo, công bố; đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố theo hướng dẫn tại Quy chế này và theo quy định pháp luật.

c. Bước 3: Trình lãnh đạo phê duyệt

Nhân viên công bố thông tin trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin đề ký và đóng dấu báo cáo, công bố trước khi thực hiện việc công bố.

d. Bước 4: Báo cáo và công bố thông tin

Nhân viên công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định: gửi báo cáo cho UBCKNN, Sở GDCK, đăng website Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có).

e. Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tối thiểu 10 năm để phục vụ, tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy trình hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc được giao.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị/phòng/ban/cá nhân có liên quan.

1. Đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của bộ phận công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Bộ phận công bố thông tin.



VIMARKO

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế công bố thông tin này hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/03/2024.
2. Người được ủy quyền công bố thông tin và các đơn vị/phòng/ban liên quan, các đối tượng liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUỐC TUẤN

